

# HỌC TẬP TƯ TƯỞNG VÌ DÂN TRONG BẢN DI CHỨC LỊCH SỬ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

PGS, TS. TRẦN THỊ MINH TUYẾT <sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sống một cuộc đời trọn vẹn vì nước, vì dân, trước khi ra đi, Người vẫn nặng lòng về những vấn đề của dân, của nước. Bản Di chúc lịch sử thể hiện tâm vóc của một lãnh tụ nhân dân và vì dân chính là tư tưởng chủ đạo trong di nguyện của Người. Lòng dân chính là vận nước, nên việc cán bộ, đảng viên học tập và làm theo tư tưởng vì dân của Hồ Chí Minh trong Di chúc chính là biểu hiện chân thực nhất lòng trung thành với Người, với nhân dân và đất nước.

**Từ khóa:** tư tưởng Hồ Chí Minh; Di chúc; tư tưởng vì dân

Không chỉ nhân dân Việt Nam mà các trí tuệ lớn của nhân loại cũng thừa nhận rằng: “Nói tới một con người mà cả cuộc đời mình đã để lại ân tình sâu nặng cho nhân dân thì không có một ai khác ngoài Hồ Chí Minh”<sup>(1)</sup>. Đối với Hồ Chí Minh, nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử, là đối tượng phụng sự, là tình yêu và nỗi lo lắng khôn nguôi của Người. Vì thế, vì dân là “dòng chảy” chủ đạo, xuyên suốt trong bản Di chúc mà Người để lại. Sự tin tưởng, ủng hộ của nhân dân chính là “tài sản” và sức mạnh lớn nhất của Đảng, nên học tập và làm theo tư tưởng vì dân của Hồ Chí Minh để dân tin, dân yêu, dân ủng hộ và bảo vệ vừa là trách nhiệm, vừa là đạo lý của mỗi cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

## 1. Vì dân - tư tưởng chủ đạo trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Đề cao vai trò của nhân dân, hết lòng thương dân, trọn vẹn vì dân và “là một phần không thể chia cắt” với nhân dân là nét nổi bật trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Là nhà cách mạng thực hành mang phong thái của bậc hiền triết Á Đông, Hồ Chí Minh “nói ít, làm nhiều”, cả cuộc đời trọn vẹn hi sinh vì dân, vì nước đã chứng minh một cách cảm động rằng, Người tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý, chỉ có một “ham muốn tột bậc” là giành lại độc lập cho dân tộc, no ấm, hạnh phúc cho nhân dân. Vì dân, vì mục tiêu giải phóng nhân dân khỏi nỗi nhục nô lệ mà Người đã dấn thân vào cuộc “trường chinh” dài 30 năm để tìm đường cứu nước. Trên bước đường gian nan đó, Người đã phải “ăn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo” chỉ để phấn đấu cho mục đích duy nhất là quyền lợi của dân, của nước. Vì dân nên khi trở thành nguyên thủ quốc gia, Người đã “lo lắng đêm ngày, nhẫn nhục cố gắng” thực hiện mục tiêu: “1. Làm cho dân có ăn. 2. Làm cho dân có mặc. 3. Làm cho dân có chỗ ở. 4. Làm cho dân có học hành”<sup>(2)</sup>. Coi nhân dân là chủ, lợi ích của dân là thước đo

<sup>(\*)</sup>Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

chân lí, phục vụ nhân dân là lẽ sống cao cả, nên dù ở “ngôi” Chủ tịch nước, Người vẫn tự nhận mình chỉ là “người lính vâng lệnh quốc dân ra trước mặt trận” và sẵn sàng làm “làm trâu, làm ngựa cho dân”. Kế thừa quan điểm “việc nhân nghĩa cốt để yên dân” của Nguyễn Trãi, Người đã mang lại cho dân những điều lớn lao, cao cả về nền độc lập, tự do và cả những điều nhỏ nhặt, cụ thể như tương, cà, mắm, muối hàng ngày... Thương dân, suốt đời gắn bó máu thịt với dân, mọi suy tư của Người đều xoay quanh chữ “DÂN”, nên *vi dân* chính là âm hưởng chủ đạo, là động cơ và mục đích của mọi lời dặn dò trong *Di chúc*.

Trước hết, *vi dân* nên Người đã dành quãng thời gian dài để viết *Di chúc*. Là một nhà hiền triết vĩ đại, Hồ Chí Minh bình thản trước quy luật sinh - tử của đời người, nhưng Người thấu hiểu phong tục, tâm lí của người Á Đông, rằng con cháu thường muốn nghe lời trăng trối của bậc sinh thành để làm tròn chữ “hiếu”. Người cũng biết rằng, với nhân dân Việt Nam, Người “không phải là Chủ tịch Hồ Chí Minh mà là Bác Hồ”<sup>(3)</sup> với bao tình cảm ruột thịt. Thương dân, không muốn dân phải nhọc lòng suy đoán hay bất ngờ về sự *ra đi* của mình nên từ năm 1965, Người đã âm thầm viết “*mấy lời*” để lại. Mục đích của việc viết *Di chúc* được Người nói rất rõ: “Tôi để lại mấy lời này, phòng khi tôi đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị đàn anh khác, thì *đồng bào* cả nước, *đồng chí* trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột”<sup>(4)</sup>. Ở đây, Người đã “*đặt*” *đồng bào* lên trên *đồng chí*, trong nước lên trên quốc tế. Tư tưởng trọng dân, coi dân là trên hết đã bộc lộ rõ trong ngôn từ của Người. Trọng dân, muốn nói với dân những gì sâu lắng nhất, trọn vẹn nhất nên Người đã dành thời gian 4 năm (1965 - 1969) để chỉnh sửa và bổ sung *Di chúc*. Sự cẩn trọng, tỉ mỉ trong mỗi lần sửa chữa, sự tinh tế, chính xác trong từng câu chữ trong *Di chúc* đã thể hiện sự minh mẫn đến tột độ của một trí tuệ lớn và văn hóa *trọng dân* của một lãnh tụ nhân dân. Chúng ta có thể phỏng đoán: Nếu có *phép màu* để Người chưa phải *đi xa* vào năm 1969,

có lẽ những bản thảo *Di chúc* sẽ tiếp tục ra đời vì nỗi lo của Người về dân, về nước không bao giờ ngừng lại.

Tư tưởng *vi dân* đã “thấm sâu” vào từng lời dặn của Người về các công việc cần làm. Ở Hồ Chí Minh có “*nếp*” tư duy rất đặc biệt: bàn đến trách nhiệm thì nói đến Đảng, nói đến lợi quyền thì đề cập đến dân. Bản *Di chúc* được viết theo phong cách đó nên “*trước hết, nói về Đảng*”<sup>(5)</sup>. Với quan điểm “Đảng có vững cách mệnh mới thành công cũng như người cầm lái có vững, thuyền mới chạy”<sup>(6)</sup>, trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh những nguyên tắc “*bất biến*” để Đảng thực sự vững mạnh. Đoàn kết là sức mạnh, là truyền thống đáng tự hào của Đảng, nên Người căn dặn mỗi cán bộ, đảng viên phải ra sức giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng bằng cách phát huy dân chủ, làm tốt công tác tự phê bình và phê bình và “*phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*”<sup>(7)</sup>. Lưu ý rằng, để cả năm trời suy ngẫm nhưng năm 1966, Người chỉ bổ sung câu duy nhất đó vào bản thảo năm 1965. Lời dặn này vô cùng sâu sắc bởi nếu thiếu “*tình yêu thương*”, mọi sự đoàn kết, dân chủ chỉ là hình thức, “*phê bình và tự phê bình*” sẽ trở nên khiên cưỡng và thô bạo.

Đảng là tổ chức chính trị của những con người cùng chí hướng nên sự vững mạnh của Đảng được tạo thành bởi chất lượng của mỗi đảng viên, trong đó, đạo đức, nhân cách đảng viên là điều quan trọng nhất. Vì vậy, Người căn dặn mỗi đảng viên phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng; trong toàn Đảng thì phải tiến hành chính đôn để tất cả đảng viên đều toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân. Dường như Người đã tiên lượng được sự phát tác của chủ nghĩa cá nhân, sự suy thoái đạo đức cách mạng khi đất nước chuyển sang thời bình nên lời dặn dò của Người chứa đựng cả sự lo âu và lời cảnh báo. Là người sáng lập và rèn luyện Đảng nhưng làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh chưa phải là mục đích cuối cùng của Hồ Chí Minh. Mục đích sâu xa của việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng là để Đảng đủ *năng lực mang lại hạnh phúc cho nhân dân, xứng đáng là người lãnh đạo và*

người đầy tớ thật trung thành của dân. Luôn đứng về phía nhân dân, thấu hiểu lòng dân nên lời căn dặn của Hồ Chí Minh với Đảng chính là mong muốn của nhân dân về một lực lượng lãnh đạo xứng đáng, về một chế độ thực sự do dân làm chủ. Sự kí thác trách nhiệm của Hồ Chí Minh đối với tổ chức do mình sáng lập đã thể hiện rõ tình yêu nhân dân và tư tưởng vì dân của Người.

Khi tương lai dân tộc phụ thuộc vào thể hệ trẻ thì Hồ Chí Minh - một người luôn trăn trở với số phận nhân dân không chỉ trong hiện tại mà còn trong tương lai, tất yếu sẽ chú trọng vấn đề “trông người”. Người nhấn mạnh: “Bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”<sup>(8)</sup>. Trong *Di chúc* (bản thảo bổ sung năm 1968), Người còn căn dặn cách thức đào tạo đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Lời nhắn nhủ của Hồ Chí Minh đã giúp cho việc “chuyển giao thế hệ” ở nước ta được chuẩn bị một cách chủ động, kĩ lưỡng.

Với quan điểm “làm cách mạng phải dựa vào dân nhưng làm cách mạng để vì dân”, *Chính sách xã hội* là điều Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Trong bản *Di chúc* viết năm 1965, Người căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”<sup>(9)</sup>. Năm 1968 - thời điểm mà cuộc chiến tranh còn hết sức ác liệt, Người đã đề ra *kế hoạch thời hậu chiến* vô cùng toàn diện. Đối với một đất nước vừa bước ra khỏi cuộc chiến tranh tàn khốc thì có vô vàn những việc phải làm nhưng Người nói rõ: “*Đầu tiên là công việc đối với con người*”<sup>(10)</sup>. Với tinh thần “Uống nước nhớ nguồn”, Người căn dặn phải *đền ơn đáp nghĩa* cho những người đã khuất và người đang sống. Suy cho cùng, tưởng nhớ người chết là để an ủi người sống, chăm lo cho người đang sống là đền ơn, đáp nghĩa cho người đã khuất. Với tinh thần cách mạng tiến công, Hồ Chí Minh không muốn những người có công với nước phải dựa dẫm vào sự cứu tế của xã hội nên Người căn dặn Đảng và Chính phủ vừa phải đáp ứng cho họ những nhu cầu

trước mắt là “nơi ăn, chốn ở”, vừa phải đào tạo nghề nghiệp để họ có thể tự mưu sinh và tiếp tục cống hiến cho đất nước. Đánh giá cao sự hi sinh của phụ nữ Việt Nam “anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang” cũng như thấu hiểu thực trạng “trọng nam, khinh nữ” vẫn tồn tại trong xã hội ta, Người yêu cầu Đảng và Nhà nước phải có kế hoạch *giúp đỡ phụ nữ và bản thân phụ nữ cũng phải tự vươn lên*. Đây là vấn đề rất quan trọng. Bởi, giải phóng phụ nữ là một bộ phận của tiến trình giải phóng xã hội, giải phóng con người. Người cũng thấu hiểu sự hi sinh thầm lặng của những người *nông dân* đã “thắt lưng buộc bụng” để thực hiện yêu cầu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” nên đề nghị Chính phủ “khoan thu sức dân” bằng cách miễn thuế nông nghiệp một năm. Đặc biệt, trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh còn nhắc đến những người vốn bị coi là “đáy cùng” của xã hội, như *trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu*... Người rất khoan dung khi coi họ là “nạn nhân của chế độ xã hội cũ”; Người yêu cầu “nhà nước phải vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”<sup>(11)</sup>. Người đã tin vào khả năng “hoàn lương” của những con người lầm lỡ và tìm cách đưa họ thoát khỏi sự lầm lạc. *Chính sách xã hội và chiến lược con người* của Hồ Chí Minh đã đề cập đến nhiều lớp người trong xã hội bởi trong trái tim mênh mông của Hồ Chí Minh “có chỗ cho tất cả mọi người, không quên sót một ai”<sup>(12)</sup>. Người không quên cảnh báo những khó khăn của thời hậu chiến để tránh cho nhân dân sự ảo tưởng về một tương lai dễ dàng. Người cũng “hé mở” tư tưởng *đổi mới* trên tinh thần “*dựa vào dân để vì dân*”. Với Hồ Chí Minh, khôi phục kinh tế, tái thiết đất nước hay đổi mới thì tất cả cũng chỉ hướng tới mục đích duy nhất: *vì lợi ích của dân*. Bản *Di chúc* lịch sử mang tâm vóc của một *cuong lĩnh xây dựng đất nước* thì mục đích cuối cùng vẫn là vì hạnh phúc của con người.

Tư tưởng *vì dân* và sự hi sinh trọn vẹn của Hồ Chí Minh còn thể hiện trong những lời trăn trở của Người *về việc riêng*. Hồ Chí Minh

từng nói: “Tôi hiến đời tôi cho dân tộc tôi”<sup>(13)</sup> và thực tế, thì Người đã sống “một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ”<sup>(14)</sup>. Đến khi phải từ biệt thế giới này, đương nhiên là Người không có gì phải hối hận nhưng khát vọng hiến dâng vẫn làm Người tiếc nuối một điều và chỉ một điều duy nhất: Không được phục vụ Tổ quốc và nhân dân lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa. Sự nuối tiếc đó xuất phát từ tình yêu vô hạn, lí tưởng tận hiến và lẽ sống cao thượng của Người.

Thương dân, vì dân, Người đã sống một cuộc đời giản dị đến khắc khổ và nay trong *Di chúc*, Người dặn *chuyện hậu sự* cũng với tinh thần đó. Người nói rõ: “Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”<sup>(15)</sup>. Người yêu cầu thi hài của Người “phải được đốt đi” vì cách đó vừa tốt về mặt vệ sinh cho những người còn sống, vừa không tốn đất ruộng của dân. Muốn được hóa thân một cách giản dị vào đất nước, gần gũi với nhân dân ở cả 3 miền Bắc - Trung - Nam nên Người dặn rằng, tro cốt thì “chia làm 3 phần, bỏ vào 3 cái hộp sành”<sup>(16)</sup>, đồng bào mỗi miền chọn 1 quả đồi để chôn. Người không cần sự toàn vẹn về thân xác, cũng không muốn xây “bia đá tượng đồng” nhưng nơi nghỉ ngơi cho dân khi thăm viếng thì phải có. Cho dù cách đây gần nửa thế kỉ, vấn đề môi trường chưa nóng bỏng như hiện nay, nhưng bằng tầm nhìn sâu rộng và tư tưởng tận hiến, Người muốn dùng ngay cái chết của mình để góp phần làm đẹp thiên nhiên, cải tạo môi trường. Người dặn dò: “Nên có kế hoạch trồng cây trên và chung quanh đồi. Ai đến thăm thì trồng một vài cây làm kỷ niệm. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp”<sup>(17)</sup>. Như vậy, ngay cả khi nói về *việc riêng* là thân xác của mình thì Hồ Chí Minh cũng vẫn *nghĩ về dân, chỉ lo cho dân*. Lo dân tốn thời gian, tốn tiền bạc, tốn đất ruộng, lo dân vất vả viếng thăm mà không có chỗ nghỉ ngơi... Những di nguyện khác thường về *việc riêng* của Người đều xuất phát từ một nỗi

*thương dân*. Điều khác thường chính là điều *phi thường* của một nhân cách cao quý.

Tư tưởng *vì dân, tình yêu sâu nặng dành cho dân* của Hồ Chí Minh còn hiển hiện trong lời chào vĩnh biệt và điều mong muốn cuối cùng mà Người gửi lại. Sinh thời, Người luôn tâm niệm rằng, ở đời và làm người thì phải thương nước, thương dân, thương nhân loại cần lao đau khổ, nhưng Hồ Chí Minh là nhà nhân văn hành động với phong cách nói ít, làm nhiều. Đến lúc phải giã từ những con người mà mình hết lòng thương yêu, Người đã nói những lời “gan ruột”: “Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế”<sup>(18)</sup>. Ở đây, một lần nữa Người lại đặt “toàn dân” lên trên “toàn Đảng”, trong nước lên trên quốc tế. Cho dù trong hoàn cảnh nào thì yêu nước, thương dân vẫn là tình cảm sâu đậm nhất; trọng dân vẫn là tư tưởng nổi bật nhất của Hồ Chí Minh. Trong giây phút giã từ, Người tuyệt nhiên không kí thác một điều gì cho riêng mình, cho dòng họ và quê hương của mình, mà mong muốn “toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”<sup>(19)</sup>. Theo ý tứ của Người, thì để tạo dựng tương lai tươi đẹp, trách nhiệm trước hết thuộc về Đảng và sự đoàn kết giữa Đảng và dân là nguyên tắc sống còn. Người từng viết: “Dân là con nước, nước là mẹ chung”. *Nước* và *Dân* là hai khái niệm bao hàm lẫn nhau. Chỉ khi đất nước có một tương lai tốt đẹp thì hạnh phúc của từng người dân mới được bảo đảm. Điều mong muốn cuối cùng của Người cũng không có gì ngoài lợi ích của dân, của nước.

Là sự kết tinh một cách sinh động và cảm động tư tưởng, đạo đức, phong cách của một lãnh tụ nhân dân, bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành mẫu mực của văn hóa trọng dân và đạo đức vì dân.

## 2. Sự cần thiết phải học tập tư tưởng vì dân của Hồ Chí Minh và phương hướng thực hiện của đội ngũ cán bộ hiện nay

Dân gian có câu: “Quan nhất thời, dân vạn đại”. Sự trường tồn của nhân dân, những vấn đề “muôn thuở” xung quanh mối quan hệ giữa dân và nước, giữa dân và Đảng cùng tinh yêu sâu nặng mà Hồ Chí Minh dành cho nhân dân đã làm nên sức sống kì diệu của bản *Di chúc* lịch sử. Ánh sáng trí tuệ và tình cảm cao quý mà Hồ Chí Minh thể hiện trong *Di chúc* đã lay động mạnh mẽ tâm hồn mỗi người, thức dậy trong họ quyết tâm học tập và làm theo ý nguyện của Người. Tuy nhiên, *Di chúc* trước hết là lời căn dặn của Người đối với Đảng, nên đội ngũ cán bộ, đảng viên trong bộ máy công quyền chính là đối tượng đầu tiên cần phải học tập và làm theo. Sinh thời, Hồ Chí Minh từng nhắc nhở cán bộ rằng, “đại học chỉ đạo, tại minh minh đức, tại thân dân”<sup>(20)</sup>, tức là *đạo học lớn nhất mà người cán bộ cần vươn tới là sự “chính tâm” và “thân dân”*. Bản *Di chúc* lịch sử không nằm ngoài nổi ưu tư về DÂN nên học tập và làm theo *Di chúc* thì trước hết, mỗi cán bộ, đảng viên phải học ở Người *cái tình với dân, với nước*. Để việc học tập không dừng ở phát động phong trào, ở sự nhận thức, toàn Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên **phải làm tốt những công việc cụ thể** sau:

*Thứ nhất, mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao nhận thức về vai trò, vị thế của nhân dân và hết lòng phục vụ nhân dân bằng những công việc cụ thể* mà mình đang đảm nhiệm. Họ phải hoàn thành nhiệm vụ không chỉ theo đúng luật cán bộ, công chức, mà còn bằng lương tâm và lòng biết ơn dành cho những người đang nuôi sống mình. Cán bộ phải luôn đặt mình vào vị trí của người dân để đáp ứng những yêu cầu chính đáng của dân và giải quyết những vấn đề “nổi cộm”, tồn đọng đã lâu theo tinh thần “khó khăn nào cũng vượt qua”. Khi thực thi chức phận, cán bộ tuyệt đối không được biến quyền dân trao thành quyền lực cá nhân; không được hống hách, sách nhiễu nhân dân hay thờ ơ trước yêu cầu chính đáng và nổi bức xúc của dân.

*Thứ hai, cán bộ phải thật gần dân, thực hiện*

*tốt quy chế và pháp lệnh dân chủ cơ sở, thực sự tôn trọng ý kiến của dân*. Xưa nay, các thể lực chính trị giành được vị trí cầm quyền bằng nhiều cách khác nhau nhưng nguyên nhân suy thoái, đổ vỡ đều là *sự xa dân và đối lập với dân về lợi ích*. Việt Nam là dân tộc luôn đề cao tinh thần đoàn kết, thống nhất, nhất là sự thống nhất, đồng thuận của lòng người. Đảng mà xa cách dân thì không khác gì cái cây bị bật rễ khỏi lòng đất, sẽ mất sức sống. Khi dân là chủ nhân của nước thì cán bộ phải tin dân, không được lạm dụng nguyên tắc “tối mật” để ngăn cản quyền được *biết, được bàn, được kiểm tra* của dân kéo rút cuộc, dân chỉ phải *làm* mà thôi. Cho dù ngày nay có nhiều cách thức để cán bộ nắm bắt tình hình và điều hành công việc nhưng không nên lạm dụng hệ thống trực tuyến để thay thế hoàn toàn cho việc đi xuống cơ sở, gặp gỡ nhân dân, trực tiếp “nghe dân nói và nói dân nghe”. Trong thời đại thông tin, mỗi cán bộ, tổ chức phải có “kênh” tiếp nhận thông tin kịp thời, chính xác. Các vụ việc phức tạp, kéo dài của làng Nhô (Hà Nam), Quỳnh Phụ (Thái Bình), Đồng Tâm - Mỹ Đức (Hà Nội), Thủ Thiêm (Thành phố Hồ Chí Minh)... chính là những hồi chuông cảnh tỉnh về sự xa dân, tham nhũng, lạm quyền của đội ngũ cán bộ cơ sở và sự quan liêu của cán bộ cấp trên. Việc cán bộ lắng nghe dân, kịp thời giải tỏa nổi bức xúc của dân sẽ không chỉ làm “an lòng” dân mà còn là cơ sở để hoàn thiện thể chế, là cách thức để từng cán bộ tự hoàn thiện.

Do nhân dân là người hiểu rõ nhất về cán bộ, mức độ hài lòng của nhân dân là thước đo chính xác nhất tài năng, phẩm hạnh của cán bộ nên mọi quy trình trong công tác cán bộ, công tác tổ chức nhất thiết phải dựa trên ý kiến của dân, phải coi sự đánh giá của dân về cán bộ là tiêu chí quan trọng nhất. Phải tránh việc đánh giá cán bộ hời hợt theo kiểu “Đi nhẹ, nói khẽ, hay cười/ Việc đâu bỏ đó là người phiêu cao”. Phải cẩn trọng với những ai muốn “nấu mình, chờ thời”, “lặng lẽ quan sát, quyết không đi đâu” vì sự cơ hội, thái độ trung bình chủ nghĩa sẽ làm cho Đảng mất tính chiến đấu.

*Thứ ba, mỗi cán bộ, đảng viên phải, dù bản*

lãnh nói “không” với tham nhũng và bằng hành động mà kiên quyết chống tham nhũng trong tổ chức của mình. Tham nhũng chính là sự cướp đoạt tiền của, quyền lực của dân. Do sự thiếu tu dưỡng của một bộ phận không nhỏ đảng viên và do công tác kỉ luật, kiểm soát lâu nay kém hiệu quả, nên tham nhũng đã trở thành vấn nạn “ăn sâu” vào hệ thống, gây ra bức xúc lớn trong dân. “Của đau, con xót” nên chống tham nhũng, chống “lợi ích nhóm” là chủ đề “thường trực” mà các đại biểu của dân phải thực sự quan tâm. Khi tham nhũng đã tràn lan thì không chỉ tích cực giải quyết từng sự vụ cụ thể mà quan trọng hơn là phải tạo ra cơ chế kiểm soát quyền lực và ngăn ngừa sự tham nhũng. Việc chống tham nhũng không được phép dừng ở việc đưa ra án trừng phạt để tạo tính răn đe mà quan trọng, phải chú trọng đến việc thu hồi tài sản của dân. Thực hiện lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Kẻ thù nào cũng đánh thắng”, mỗi cán bộ, đảng viên phải tự đánh thắng “giặc nội xâm” đang tồn tại trong con người và tổ chức mình. Khi lợi ích của dân đối ngược với lợi ích của “quan” và “lợi ích nhóm” thì người cán bộ chân chính phải có dũng khí “mắt lòng quan để được lòng dân”. Đây là điều rất khó nhưng nếu thực sự vì dân thì phải làm và biết dựa vào dân thì sẽ làm được.

*Thứ tư, phải phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu, nhất là đội ngũ cán bộ đứng đầu cấp chiến lược* về mọi mặt, đặc biệt về sự gần dân và tinh thần “vị công vong tư”. Người lãnh đạo là người có quyền hạn ban hành chủ trương, tổ chức thực hiện chủ trương, điều hành tổ chức và kiểm soát công tác cán bộ nên nếu họ không vì dân thì toàn bộ đường lối do họ đưa ra và cán bộ do họ lựa chọn cũng sẽ không thể vì dân. Lúc này, để tạo ra sự chuyển biến tích cực trong Đảng thì sự quyết tâm và thực hành nêu gương của người đứng đầu Đảng và Nhà nước, của đội ngũ cán bộ cấp chiến lược và cán bộ kiểm tra, thanh tra Trung ương là vô cùng quan trọng và quý báu. Bên cạnh đó, cần có sự “vào cuộc” của tất cả các cấp, các ngành, đặc biệt là sự quyết liệt của người đứng đầu cấp cơ sở

để đẩy lùi hiện tượng “Trên nóng, dưới lạnh”, “Trên động, dưới tĩnh”. Tham vọng của con người là vô cùng nhưng mỗi người lãnh đạo phải tự ý thức rằng: “Tri túc tâm thường lạc/Vô cầu phẩm tự cao” (Biết đủ thì tâm tĩnh tại; không xin xỏ, cầu cạnh thì phẩm giá sẽ cao). Sự nêu gương của cán bộ lãnh đạo không chỉ giúp họ giữ được sự “quang minh, chính đại”, mà còn giúp họ thu phục được nhân tâm, thực hiện tốt quyền lãnh đạo. Danh tiếng, phẩm giá, sự kính trọng của nhân dân và sự ghi nhận của tổ chức mới là hạnh phúc lớn nhất của người lãnh đạo. Ngược lại, nếu ai đó “dĩ công dinh tư”, phạm vào điều Hồ Chí Minh đã cảnh tỉnh thì “cái chết về chính trị” sẽ đến với họ như một điều tất yếu.

Bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tầm cao trí tuệ và tình cảm cao thượng đã trở thành *bảo vật quốc gia*. Điều này không chỉ có ý nghĩa phải bảo quản *Di chúc* như một báu vật ở bảo tàng lịch sử, mà quan trọng phải vận dụng và phát triển tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh mới. Khi “ý dân là ý trời”, lòng dân chính là vận nước thì bản *Di chúc* - đỉnh cao của văn hóa *trọng dân* và đạo đức *vì dân* chính là “bảo pháp” vô giá để “an dân, trấn quốc”. Nếu Hồ Chí Minh chủ trương để “văn hóa soi đường cho quốc dân đi” thì ngày nay hãy để “văn hóa Hồ Chí Minh soi đường cho cán bộ đi”!<sup>□</sup>

(1) Hồ Chí Minh - Một người châu Á của mọi thời đại, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.101

(2) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.175

(3), (4), (5), (7), (8), (9), (10), (11), (13), (15), (16), (17), (18), (19) và (20) Hồ Chí Minh, *Sđd*, tập 15, tr.675, 621, 611, 611, 612, 612, 616, 617, 674, 615, 615, 615, 614, 614 và 377

(6) Hồ Chí Minh, *Sđd*, tập 2, tr 289

(12) Phạm Văn Đồng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.120

(14) *Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam*